**MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ VIỆC LÀM**

**I.** **Nguyên tắc và chính sách của Nhà nước về việc làm**

**1.** **Nguyên tắc về việc làm:** Nhà nước bảo đảm quyền làm việc, tự do lựa chọn việc làm và nơi làm việc; bình đẳng về cơ hội việc làm và thu nhập; bảo đảm làm việc trong điều kiện an toàn lao động, vệ sinh lao động.

**2. Chính sách của Nhà nước về việc làm**

a) Có chính sách phát triển kinh tế - xã hội nhằm tạo việc làm cho người lao động, xác định mục tiêu giải quyết việc làm trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; bố trí nguồn lực để thực hiện chính sách về việc làm.

b) Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia tạo việc làm và tự tạo việc làm có thu nhập từ mức lương tối thiểu trở lên nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội, phát triển thị trường lao động.

c) Có chính sách hỗ trợ tạo việc làm, phát triển thị trường lao động và bảo hiểm thất nghiệp.

d) Có chính sách đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia gắn với việc nâng cao trình độ kỹ năng nghề.

đ) Có chính sách ưu đãi đối với ngành, nghề sử dụng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao hoặc sử dụng nhiều lao động phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội.

e) Hỗ trợ người sử dụng lao động sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, lao động nữ, lao động là người dân tộc thiểu số.

**II. Nội dung và thẩm quyền quản lý nhà nước về việc làm**

**1. Nội dung quản lý nhà nước về việc làm**

a) Ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về việc làm.

b) Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về việc làm.

c) Quản lý lao động, thông tin thị trường lao động, đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và bảo hiểm thất nghiệp.

d) Quản lý tổ chức và hoạt động của trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

đ) Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về việc làm.

e) Hợp tác quốc tế về việc làm.

**2. Thẩm quyền quản lý nhà nước về việc làm**

a) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về việc làm trong phạm vi cả nước.

b) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về việc làm. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện quản lý nhà nước về việc làm.

c) Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về việc làm tại địa phương.

**3. Những hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực việc làm**

a) Phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp.

b) Xâm phạm thân thể, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động.

c) Tuyển dụng, sử dụng người lao động vào làm việc trái quy định của pháp luật.

d) Dụ dỗ, hứa hẹn và quảng cáo gian dối để lừa gạt người lao động hoặc lợi dụng dịch vụ việc làm, thông tin thị trường lao động để thực hiện những hành vi trái pháp luật.

đ) Gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện chính sách về việc làm.

e) Cản trở, gây khó khăn hoặc làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động.

**III. Quyền và trách nhiệm của người lao động, người sử dụng lao động, Trung tâm dịch vụ việc làm, Sở Lao động, Thương binh và xã hội, tổ chức bảo hiểm xã hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc**

**1. Quyền của người lao động**

a) Nhận sổ bảo hiểm xã hội có xác nhận đầy đủ về việc đóng bảo hiểm thất nghiệp khi chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc.

b) Được hưởng các chế độ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

c) Được ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp theo đường bưu điện nếu thuộc một trong các trường hợp sau: Ốm đau, thai sản có xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền; bị tai nạn có xác nhận của cảnh sát giao thông hoặc cơ sở y tế có thẩm quyền; hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, địch họa, dịch bệnh có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Ngày nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp trong các trường hợp nêu trên là ngày người được ủy quyền trực tiếp nộp hồ sơ hoặc ngày ghi trên dấu bưu điện đối với trường hợp gửi theo đường bưu điện.

Được nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định được ghi trong phiếu hẹn trả kết quả. Sau thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ghi trong phiếu hẹn trả kết quả, nếu người lao động không đến nhận quyết định về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp thì được coi là không có nhu cầu hưởng trợ cấp thất nghiệp trừ trường hợp quy định tại điểm d dưới đây. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày người lao động không đến nhận quyết định về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định, trung tâm dịch vụ việc làm trình Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định về việc hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động. Quyết định về việc hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp được trung tâm dịch vụ việc làm gửi: 01 bản đến Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh để không chi trả trợ cấp thất nghiệp cho người lao động; 01 bản đến người lao động. Quyết định về việc hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp thực hiện theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

d) Yêu cầu người sử dụng lao động cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm thất nghiệp; yêu cầu trung tâm dịch vụ việc làm, tổ chức bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin liên quan đến bảo hiểm thất nghiệp.

đ) Khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

**2. Nghĩa vụ của người lao động**

a) Đóng bảo hiểm thất nghiệp đủ và đúng theo quy định, cụ thể mức đóng như sau: Người lao động đóng bằng 1% tiền lương tháng.

b) Thực hiện đúng quy định về việc tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

c) Bảo quản, sử dụng sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế theo quy định.

d) Người lao động giao kết nhiều hợp đồng lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp phải thông báo với người sử dụng lao động kế tiếp để tiếp tục tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định.

đ) Nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ học nghề theo quy định tại trung tâm dịch vụ việc làm khi có nhu cầu.

e) Hàng tháng thông báo với trung tâm dịch vụ việc làm về việc tìm kiếm việc làm trong thời gian đang hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định.

g) Nhận việc làm hoặc tham gia khóa học nghề phù hợp khi được trung tâm dịch vụ việc làm giới thiệu trong thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp.

h) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp nếu người lao động tìm được việc làm thì phải thông báo ngay cho trung tâm dịch vụ việc làm nơi nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp.

i) Nhận thông báo về việc không được hưởng trợ cấp thất nghiệp hoặc không được hỗ trợ học nghề, quyết định về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp, quyết định về việc hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, quyết định về việc hỗ trợ học nghề, quyết định về việc tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp, quyết định về việc tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp, quyết định về việc chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp, quyết định về việc bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định.

k) Thông báo theo quy định với trung tâm dịch vụ việc làm khi thuộc các trường hợp chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp sau đây:

- Có việc làm: Người lao động được xác định là có việc làm thuộc một trong các trường hợp sau: Đã giao kết hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc từ đủ 03 tháng trở lên. Ngày mà người lao động được xác định có việc làm là ngày hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc có hiệu lực theo quy định của pháp luật; Có quyết định tuyển dụng đối với những trường hợp không thuộc đối tượng giao kết hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc. Ngày có việc làm trong trường hợp này được xác định là ngày bắt đầu làm việc của người đó ghi trong quyết định tuyển dụng; Người lao động thông báo đã có việc làm cho trung tâm dịch vụ việc làm theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định. Ngày mà người lao động được xác định có việc làm là ngày ghi trong thông báo có việc làm của người lao động.

- Thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an: Ngày mà người lao động được xác định thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an là ngày người lao động nhập ngũ.

- Hưởng lương hưu hàng tháng: Ngày mà người lao động được xác định nghỉ hưu là ngày đầu tiên tính hưởng lương hưu được ghi trong quyết định hưởng lương hưu hằng tháng của cơ quan có thẩm quyền.

- Ra nước ngoài để định cư, đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng: Ngày mà người lao động được xác định ra nước ngoài định cư, đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng là ngày người lao động xuất cảnh theo quy định của pháp luật về xuất, nhập cảnh.

- Đi học tập có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên: Ngày mà người lao động được xác định đi học tập có thời hạn 12 tháng trở lên là ngày nhập học được ghi trong giấy báo nhập học đối với học tập trong nước. Trường hợp học tập ở nước ngoài thì ngày người lao động được xác định đi học tập có thời hạn 12 tháng trở lên là ngày xuất cảnh theo quy định của pháp luật về xuất, nhập cảnh.

- Chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc: Ngày mà người lao động được xác định chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc là ngày bắt đầu thực hiện biện pháp xử lý hành chính được ghi trong quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Bị tạm giam, chấp hành hình phạt tù: Ngày mà người lao động được xác định bị tạm giam, chấp hành hình phạt tù là ngày bắt đầu thực hiện quyết định tạm giam, chấp hành hình phạt tù của cơ quan có thẩm quyền.

l) Nộp lại thẻ bảo hiểm y tế cho tổ chức bảo hiểm xã hội khi thuộc các trường hợp chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp và trong trường hợp chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp:

- Có việc làm: Người lao động được xác định là có việc làm thuộc một trong các trường hợp sau: Đã giao kết hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc từ đủ 03 tháng trở lên. Ngày mà người lao động được xác định có việc làm là ngày hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc có hiệu lực theo quy định của pháp luật; Có quyết định tuyển dụng đối với những trường hợp không thuộc đối tượng giao kết hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc. Ngày có việc làm trong trường hợp này được xác định là ngày bắt đầu làm việc của người đó ghi trong quyết định tuyển dụng; Người lao động thông báo đã có việc làm cho trung tâm dịch vụ việc làm theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định. Ngày mà người lao động được xác định có việc làm là ngày ghi trong thông báo có việc làm của người lao động.

- Thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an: Ngày mà người lao động được xác định thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an là ngày người lao động nhập ngũ.

- Hưởng lương hưu hằng tháng: Ngày mà người lao động được xác định nghỉ hưu là ngày đầu tiên tính hưởng lương hưu được ghi trong quyết định hưởng lương hưu hằng tháng của cơ quan có thẩm quyền.

- Sau 02 lần người lao động từ chối việc làm do Trung tâm dịch vụ việc làm nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp giới thiệu mà không có lý do chính đáng.

Người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp được xác định là từ chối nhận việc làm mà không có lý do chính đáng khi thuộc một trong các trường hợp sau: Người lao động được trung tâm dịch vụ việc làm giới thiệu việc làm phù hợp với ngành nghề, trình độ được đào tạo mà người lao động đã ghi theo Mẫu quy định nhưng không đến tham gia dự tuyển lao động; Người lao động được trung tâm dịch vụ việc làm giới thiệu việc làm mà người lao động đó đã từng làm nhưng không đến tham gia dự tuyển lao động; Người lao động đã tham gia dự tuyển lao động theo giới thiệu của trung tâm dịch vụ việc làm nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp và có thông báo trúng tuyển của người sử dụng lao động nhưng không nhận việc làm đã trúng tuyển, trừ trường hợp việc làm đó không đúng như thông báo tuyển lao động của người sử dụng lao động.

- Trong thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp, 03 tháng liên tục không thực hiện thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm với trung tâm dịch vụ việc làm theo quy định.

- Ra nước ngoài để định cư, đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng: Ngày mà người lao động được xác định ra nước ngoài định cư, đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng là ngày người lao động xuất cảnh theo quy định của pháp luật về xuất, nhập cảnh.

- Đi học tập có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên: Ngày mà người lao động được xác định đi học tập có thời hạn 12 tháng trở lên là ngày nhập học được ghi trong giấy báo nhập học đối với học tập trong nước. Trường hợp học tập ở nước ngoài thì ngày người lao động được xác định đi học tập có thời hạn 12 tháng trở lên là ngày xuất cảnh theo quy định của pháp luật về xuất, nhập cảnh.

- Bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm pháp luật bảo hiểm thất nghiệp: Ngày mà người lao động được xác định bị xử phạt vi phạm hành chính nêu trên là ngày người lao động bị xử phạt theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc: Ngày mà người lao động được xác định chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc là ngày bắt đầu thực hiện biện pháp xử lý hành chính được ghi trong quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Bị tạm giam, chấp hành hình phạt tù: Ngày mà người lao động được xác định bị tạm giam, chấp hành hình phạt tù là ngày bắt đầu thực hiện quyết định tạm giam, chấp hành hình phạt tù của cơ quan có thẩm quyền.

m) Nộp lại thẻ bảo hiểm y tế cho tổ chức bảo hiểm xã hội trong trường hợp chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp sau:

- Người lao động đã hưởng ít nhất 01 tháng trợ cấp thất nghiệp theo quy định mà có nhu cầu chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp đến tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác thì phải làm đề nghị chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định và gửi Trung tâm dịch vụ việc làm nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của người lao động, trung tâm dịch vụ việc làm có trách nhiệm cung cấp hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp cho người lao động và gửi giấy giới thiệu chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp cho trung tâm dịch vụ việc làm nơi người lao động chuyển đến theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định. Hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp bao gồm: Đề nghị chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động; Giấy giới thiệu chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp; Bản chụp quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp; Bản chụp các quyết định hỗ trợ học nghề, quyết định tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp, quyết định tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp (nếu có); Bản chụp thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng (nếu có), các giấy tờ khác có trong hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp.

- Khi nhận được hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp, người lao động trả lại thẻ bảo hiểm y tế cho tổ chức bảo hiểm xã hội nơi đang chi trả trợ cấp thất nghiệp cho người lao động.

- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày cung cấp hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp cho người lao động, trung tâm dịch vụ việc làm nơi người lao động chuyển đi gửi thông báo về việc chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp cho Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh để dừng việc chi trả trợ cấp thất nghiệp theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày người lao động nhận được hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp, người lao động phải nộp hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp cho trung tâm dịch vụ việc làm nơi chuyển đến trừ các trường hợp: Ốm đau, thai sản có xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền; Bị tai nạn có xác nhận của cảnh sát giao thông hoặc cơ sở y tế có thẩm quyền; Hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, địch họa, dịch bệnh có xác nhận của Chủ tịch Ủy bannhân dân xã, phường, thị trấn.

Kể từ ngày người lao động nhận được hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp thì người lao động thực hiện các quyền và trách nhiệm trong thời gian đang hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Người lao động nộp hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp quá thời hạn theo quy định nêu trên nhưng nhiều nhất không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp nếu thuộc một trong các trường hợp sau: Ốm đau, thai sản có xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền; Bị tai nạn có xác nhận của cảnh sát giao thông hoặc cơ sở y tế có thẩm quyền; Hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, sóng thần, địch họa, dịch bệnh có xác nhận của Chủ tịch Ủy bannhân dân xã, phường, thị trấn.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp do người lao động chuyển đến, trung tâm dịch vụ việc làm gửi văn bản đề nghị Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh nơi chuyển đến để tiếp tục thực hiện việc chi trả trợ cấp thất nghiệp và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người lao động kèm theo bản chụp quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp của người lao động. Văn bản đề nghị Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

- Tổ chức bảo hiểm xã hội nơi người lao động chuyển đến hưởng trợ cấp thất nghiệp thực hiện chi trả trợ cấp thất nghiệp và cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người lao động theo quy định của pháp luật.

n) Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**3. Quyền của người sử dụng lao động**

a) Được hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo quy định.

b) Từ chối thực hiện các yêu cầu không đúng quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp.

c) Khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

**4. Trách nhiệm của người sử dụng lao động**

a) Chủ trì, phối hợp với tổ chức công đoàn cơ sở để thông tin, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp.

b) Xác định đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp, thực hiện trình tự, thủ tục tham gia bảo hiểm thất nghiệp, đóng bảo hiểm thất nghiệp đúng, đủ và kịp thời theo quy định của pháp luật.

c) Bảo quản hồ sơ tham gia bảo hiểm thất nghiệp của người lao động trong thời gian người lao động làm việc tại đơn vị. Xuất trình các tài liệu, hồ sơ và cung cấp thông tin liên quan theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có kiểm tra, thanh tra về bảo hiểm thất nghiệp.

d) Cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm thất nghiệp trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày người lao động yêu cầu.

đ) Cung cấp bản sao hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc hoặc xác nhận về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc cho người lao động chậm nhất trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày người lao động chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồnglàm việc. Thực hiện thủ tục xác nhận về việc đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động để người lao động hoàn thiện hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định.

e) Thông báo với Trung tâm dịch vụ việc làm nơi đặt trụ sở làm việc của người sử dụng lao động khi có biến động lao động làm việc tại đơn vị.

- Người sử dụng lao động thông báo với Trung tâm dịch vụ việc làm nơi đặt trụ sở làm việc về số lao động đang làm việc tại thời điểm ngày 01 tháng 10 năm 2015 theo Mẫu quy định trong thời hạn 30 ngày, kể từ thời điểm nêu trên.

Đối với các đơn vị thành lập sau ngày 01 tháng 10 năm 2015 thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thành lập phải thông báo với Trung tâm dịch vụ việc làm nơi đặt trụ sở làm việc về số lao động làm việc tại đơn vị theo Mẫu quy định.

- Trước ngày 03 hàng tháng, người sử dụng lao động phải thông báo theo Mẫu quy định với Trung tâm dịch vụ việc làm nơi đặt trụ sở làm việc về tình hình biến động lao động làm việc tại đơn vị nếu có (tính theo tháng dương lịch của tháng liền trước thời điểm thông báo).

- Trường hợp, người sử dụng lao động giảm từ 50 lao động trở lên thì phải thông báo ngay với Trung tâm dịch vụ việc làm nơi đặt trụ sở làm việc để được tư vấn, hỗ trợ kịp thời.

g) Trước ngày 15 tháng 01 hàng năm báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình tham gia bảo hiểm thất nghiệp của năm trước.

h) Tổ chức triển khai việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo đúng phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

i) Sử dụng người lao động đã được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo phương án đã được phê duyệt và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc khóa đào tạo.

k) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

**5. Quyền của Trung tâm dịch vụ việc làm**

a) Từ chối yêu cầu hưởng các chế độ bảo hiểm thất nghiệp không đúng quy định của pháp luật.

b) Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng, sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và quản lý Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

c) Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp.

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

**6. Trách nhiệm của Trung tâm dịch vụ việc làm**

a) Tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp.

b) Tổ chức tiếp nhận hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp và hồ sơ đề nghị hỗ trợ học nghề, xem xét và thực hiện các thủ tục giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ học nghề theo quy định của pháp luật.

c) Tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm và dạy nghề cho người lao động theo quy định của pháp luật.

d) Kiểm tra, theo dõi, cập nhật các thông tin của người lao động liên quan đến việc hưởng các chế độ bảo hiểm thất nghiệp.

đ) Thực hiện chế độ báo cáo đình kỳ hàng tháng, quý, năm và báo cáo đột xuất với Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội và Sở Lao động- Thương binh và Xã hội về bảo hiểm thất nghiệp theo quy định sau đây:

- Trước ngày 03 hàng tháng, báo cáo về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục Việc làm (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) về việc thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn.

- Định kỳ 06 tháng, trước ngày 15 tháng 7; định kỳ hàng năm trước ngày 15 tháng 01, báo cáo về Sở Lao động- Thương binh và Xã hội và Cục Việc làm (Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội) về tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn.

e) Cung cấp tài liệu, thông tin liên quan về bảo hiểm thất nghiệp theo yêu cầu của người lao động, tổ chức công đoàn và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

g) Lưu trữ, bảo quản hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

h) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bảo hiểm thất nghiệp và giải quyết hưởng các chế độ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định.

i) Tham gia thực hiện hợp tác quốc tế về bảo hiểm thất nghiệp.

k) Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

**7. Quyền của tổ chức bảo hiểm xã hội**

a) Kiểm tra việc đóng, hưởng các chế độ bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động và người sử dụng lao động.

b) Từ chối yêu cầu chi trả các chế độ bảo hiểm thất nghiệp không đúng quy định của pháp luật.

c) Kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xây dựng, sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách, pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp; quản lý, sử dụng Quỹ bảo hiểm thất nghiệp; xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

**8. Trách nhiệm của tổ chức bảo hiểm xã hội**

a) Hàng năm thông báo cho từng người lao động thông tin về việc đóng bảo hiểm thất nghiệp của người lao động.

b) Tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách, pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp; hướng dẫn thủ tục đăng ký tham gia và thu bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động, người sử dụng lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

c) Tổ chức thu bảo hiểm thất nghiệp.

d) Cung cấp thông tin về việc tham gia và đóng bảo hiểm thất nghiệp của người lao động cho trung tâm dịch vụ việc làm trên địa bàn, trừ Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng và Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân.

đ) Chi trả trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ học nghề, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.

e) Dừng chi trả các khoản trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ học nghề, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động và thu hồi thẻ bảo hiểm y tế đối với người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

g) Cấp thẻ bảo hiểm y tế và đóng bảo hiểm y tế cho người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

h) Quản lý, sử dụng Quỹ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

i) Thực hiện các biện pháp bảo toàn và tăng trưởng Quỹ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

k) Thực hiện việc chuyển kinh phí chi quản lý bảo hiểm thất nghiệp cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

l) Tổ chức thực hiện công tác thống kê, kế toán về bảo hiểm thất nghiệp.

m) Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bảo hiểm thất nghiệp; lưu trữ hồ sơ của người tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

n) Cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin về việc tham gia, đóng bảo hiểm thất nghiệp khi người lao động yêu cầu.

o) Cung cấp tài liệu, thông tin liên quan về bảo hiểm thất nghiệp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

ô) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc thực hiện bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

p) Định kỳ 06 tháng, trước ngày 31 tháng 7 và hàng năm trước ngày 31 tháng 01 báo cáo Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về tình hình thu, chi, quản lý và sử dụng Quỹ bảo hiểm thất nghiệp của 6 tháng đầu năm và của năm trước.

q) Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

**9. Quyền của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

a) Ban hành quyết định về việc hưởng trợ cấp thất nghiệp, quyết định về việc hỗ trợ học nghề, quyết định về việc tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp, quyết định về việc tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp, quyết định về việc chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp, quyết định về việc hủy quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, quyết định về việc bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp.

b) Thẩm định và phê duyệt phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và duy trì việc làm; thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ và theo dõi, giám sát việc tổ chức thực hiện hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề theo quy định.

c) Theo dõi, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp.

d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

đ) Kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xây dựng, sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách, pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp.

e) Kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp.

g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

**10. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thông tin, tuyên truyền chính sách, pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp.

b) Giải quyết khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân về việc thực hiện chế độ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện chế độ báo cáo đình kỳ 06 tháng, hàng năm và đột xuất với Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội và Ủy ban nhân dân theo quy định sau đây:

Định kỳ 06 tháng, trước ngày 31 tháng 7; định kỳ hàng năm trước ngày 31 tháng 01, báo cáo về Cục Việc làm (Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp trên địa bàn.

d) Cung cấp tài liệu, thông tin liên quan về bảo hiểm thất nghiệp theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

đ) Thực hiện hợp tác quốc tế và tham gia nghiên cứu khoa học về bảo hiểm thất nghiệp.

e) Thực hiện trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

**11. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân về việc làm**

a) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức và cá nhân tạo việc làm cho người lao động; tham gia với cơ quan nhà nước trong việc xây dựng và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về việc làm theo quy định của pháp luật.

b) Cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về việc làm; tạo việc làm; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.

c) Cá nhân có trách nhiệm chủ động tìm kiếm việc làm và tham gia tạo việc làm.

**IV. Chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm**

**1. Tín dụng ưu đãi tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm**

**a) Tín dụng ưu đãi tạo việc làm**

Nhà nước thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi để hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn tín dụng khác.

**b) Quỹ quốc gia về việc làm**

- Nguồn hình thành Quỹ quốc gia về việc làm bao gồm: Ngân sách nhà nước; Nguồn hỗ trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; Các nguồn hợp pháp khác.

- Quản lý Quỹ quốc gia về việc làm

+ Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với Quỹ quốc gia về việc làm; phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phân bổ nguồn vốn và giao chỉ tiêu thực hiện cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan trung ương của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Cựu Chiến binh Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Người mù Việt Nam (sau đây gọi chung là tổ chức thực hiện chương trình).

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan trung ương của tổ chức thực hiện chương trình được giao nhiệm vụ quản lý và sử dụng nguồn vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm theo quy định.

+ Quỹ quốc gia về việc làm được giao cho Ngân hàng Chính sách xã hội quản lý và cho vay

Hàng quý, trước ngày 20 của tháng đầu tiên, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và kết quả cho vay ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ Quỹ quốc gia về việc làm theo Mẫu quy định.

Hàng quý, trước ngày 20 của tháng đầu tiên, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và kết quả cho vay ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ Quỹ quốc gia về việc làm theo Mẫu quy định.

Hàng quý, trước ngày 20 của tháng đầu tiên, Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết quả cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm và kết quả cho vay ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ Quỹ quốc gia về việc làm theo Mẫu quy định.

- Sử dụng Quỹ quốc gia về việc làm

Quỹ quốc gia về việc làm được sử dụng cho các hoạt động sau đây:

+ Cho vay ưu đãi đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh và người lao động để tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm;

+ Cho vay ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

**2. Đối tượng vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm**

**a) Đối tượng vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm**, gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh; Người lao động.

b) Đối tượng nêu trên thuộc các trường hợp sau đây được vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm với mức lãi suất thấp hơn:

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số.

- Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người khuyết tật.

c) Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất, kinh doanh) sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số được quy định như sau:

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật là cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật;

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người dân tộc thiểu số là cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số;

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số là cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số.

**3. Nguyên tắc cho vay vốn**

a) Bảo đảm đúng đối tượng, vì mục tiêu hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

b) Bảo toàn vốn.

c) Thủ tục đơn giản, công khai, minh bạch.

**4. Điều kiện vay vốn**

**a) Đối tượng** **là Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh** được vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có dự án vay vốn khả thi tại địa phương, phù hợp với ngành, nghề sản xuất kinh doanh, thu hút thêm lao động vào làm việc ổn định;

- Dự án vay vốn có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;

- Có bảo đảm tiền vay.

**b) Đối tượng là người lao động** được vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Có nhu cầu vay vốn để tự tạo việc làm hoặc thu hút thêm lao động có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án;

- Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án.

**5. Mức vay, thời hạn vay vốn, lãi suất vay vốn và điều kiện bảo đảm tiền vay**

**a) Mức vay**

- Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, mức vay 01 dự án tối đa là 01 tỷ đồng và không quá 50 triệu đồng cho 01 người lao động được tạo việc làm.

- Đối với người lao động, mức vay tối đa là 50 triệu đồng.

b) Thời hạn vay vốn:Thời hạn vay vốn không quá 60 tháng. Thời hạn vay vốn cụ thể do Ngân hàng chính sách xã hội và đối tượng vay vốn thỏa thuận căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh và khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn.

**c) Lãi suất vay vốn**

- Đối với đối tượng là Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh; Người lao động, lãi suất vay vốn bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

- Đối với đối tượng là Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số; Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người khuyết tật, lãi suất vay vốn bằng 50% lãi suất vốn vay.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất vốn vay.

**d) Điều kiện bảo đảm tiền vay:** Đối với mức vay trên 50 triệu đồng từ Quỹ quốc gia về việc làm, cơ sở sản xuất, kinh doanh phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật.

**đ) Lập hồ sơ vay vốn**

- Người lao động, cơ sở sản xuất, kinh doanh có nhu cầu vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm lập hồ sơ vay vốn gửi chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội hoặc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây gọi chung là Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương) nơi thực hiện dự án.

- Hồ sơ vay vốn:

+ Đối với người lao động:

Giấy đề nghị vay vốn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cư trú hợp pháp được thực hiện theo Mẫu quy định.

Bản sao giấy tờ chứng minh người lao động là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn là bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú.

+ Đối với người khuyết tật là bản sao giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) cấp.

+ Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, hồ sơ vay vốn gồm:

Dự án vay vốn có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thực hiện dự án được thực hiện theo Mẫu quy định.

Bản sao một trong các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hợp đồng hợp tác, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

Bản sao giấy tờ chứng minh là Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, gồm: Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật là bản sao Quyết định về việc công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp; Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số bao gồm: danh sách lao động là người dân tộc thiểu số, bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú và bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách; Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số bao gồm: danh sách lao động là người khuyết tật và người dân tộc thiểu số, bản sao giấy xác nhận khuyết tật của những người lao động là người khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp, bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú của những người lao động là người dân tộc thiểu số và bản sao hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của những người lao động trong danh sách.

Giấy tờ liên quan đến tài sản bảo đảm (nếu có).

**e) Thẩm định, phê duyệt hồ sơ vay vốn**

- Đối với dự án thuộc nguồn vốn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý:

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án phê duyệt;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án xem xét, phê duyệt. Nếu không ra quyết định phê duyệt thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án thông báo cho người vay.

- Đối với dự án thuộc nguồn vốn do tổ chức thực hiện chương trình quản lý:

+ Trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ vay vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương tổ chức thẩm định trình Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình xem xét, phê duyệt;

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình duyệt, Thủ trưởng cơ quan cấp tỉnh của tổ chức thực hiện chương trình xem xét, phê duyệt. Nếu không ra quyết định phê duyệt thì trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do để Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi thực hiện dự án thông báo cho người vay.

**g) Thu hồi và sử dụng vốn vay**

- Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương phối hợp với các cơ quan liên quan thu hồi cả gốc và lãi của vốn vay khi đến hạn, đối tượng vay có thể thỏa thuận trả vốn vay trước hạn. Trong quá trình cho vay, Ngân hàng Chính sách xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, tổ chức thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát nếu phát hiện vốn vay được sử dụng không đúng mục đích, không bảo đảm chỉ tiêu tạo việc làm theo dự án vay vốn trong thời gian vay vốn thì báo cáo với cơ quan phê duyệt hồ sơ vay vốn ra quyết định thu hồi vốn vay trước thời hạn.

- Ngân hàng Chính sách xã hội sử dụng vốn vay đã thu hồi để cho vay, hạn chế vốn tồn đọng.

- Trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh nguồn vốn vay giữa các địa phương, các tổ chức thực hiện chương trình, Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định. Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm chuyển nguồn vốn vay theo quyết định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**h) Sử dụng lãi vốn vay**

- Tiền lãi vốn vay được sử dụng như sau: Trích lập Quỹ dự phòng; Chi kinh phí quản lý cho vay, thu hồi vốn vay, kiểm tra, giám sát; Bổ sung vốn cho Quỹ.

- Các cơ quan phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội trong quá trình thẩm định, giải ngân và thu hồi vốn vay được hưởng phí do Ngân hàng Chính sách xã hội chi trả từ lãi vốn vay.

**i)** **Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay từ Quỹ quốc gia về việc làm**

- Ngân hàng Chính sách xã hội quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ cho vay Quỹ quốc gia về việc làm vào thu nhập của Ngân hàng Chính sách xã hội (Khoản Mục Thu lãi cho vay). Thực hiện trích lập Quỹ dự phòng và các khoản chi phí của Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Quyết định số [180/2002/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/quyet-dinh-180-2002-qd-ttg-quy-che-quan-ly-tai-chinh-ngan-hang-chinh-sach-xa-hoi-50324.aspx) ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số [180/2002/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/quyet-dinh-180-2002-qd-ttg-quy-che-quan-ly-tai-chinh-ngan-hang-chinh-sach-xa-hoi-50324.aspx) ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Căn cứ số tiền lãi thu được, Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện trích kinh phí để chi cho công tác quản lý, kiểm tra, giám sát và bổ sung vào nguồn vốn của Quỹ quốc gia về việc làm như sau:

+ Trích kinh phí để chi cho công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội:

Trích 0,3% số tiền lãi thu được để hỗ trợ kinh phí cho công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Hàng quý, trước ngày 30 của tháng đầu trong quý, Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo và chuyển số tiền lãi được trích của quý trước cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Trích 15% số tiền lãi thu được để chi cho công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương. Căn cứ dự kiến kế hoạch thu lãi, kế hoạch cho vay và giải quyết việc làm, kiểm tra, giám sát, đánh giá của cơ quan lao động cấp huyện, cấp tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định tỷ lệ trích cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội. Hàng quý, trước ngày 20 của tháng đầu trong quý, chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội căn cứ kết quả thu lãi và tỷ lệ trích theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để chuyển tiền lãi được trích của quý trước cho các cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội;

+ Trích 10% số tiền lãi thu được để bổ sung vào nguồn vốn của Quỹ quốc gia về việc làm. Định kỳ 6 tháng, hàng năm, Ngân hàng Chính sách xã hội báo cáo kết quả số tiền lãi trích bổ sung Quỹ quốc gia về việc làm gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 7 hàng năm và ngày 30 tháng 01 năm sau để theo dõi, quản lý.

**k) Nội dung và mức chi cho công tác quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Chi hội nghị tập huấn nghiệp vụ; sơ kết, tổng kết hoạt động cho vay giải quyết việc làm; kiểm tra, giám sát, đánh giá chỉ tiêu tạo việc làm mới, các hoạt động phục vụ công tác quản lý Quỹ quốc gia về việc làm và tổng hợp, báo cáo kết quả cho vay.

- Chi mua sắm, sửa chữa tài sản phục vụ công tác quản lý Quỹ quốc gia về việc làm thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về đấu thầu.

- Chi khảo sát, Điều tra về cho vay tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm. Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

- Chi tuyên truyền phổ biến pháp luật về cho vay Quỹ quốc gia về việc làm.

- Chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác quản lý, cho vay giải quyết việc làm (cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, các Hội, Đoàn thể, Ngân hàng Chính sách xã hội); chủ dự án, người vay vốn sử dụng vốn vay có hiệu quả, tạo nhiều việc làm mới.

- Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công tác quản lý cho vay Quỹ quốc gia về việc làm:

+ Văn phòng phẩm, thông tin liên lạc: Mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp;

+ Làm ngoài giờ.

+ Chi khác: Mức chi căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

- Các cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội được phân bổ kinh phí từ nguồn tiền lãi cho vay Quỹ quốc gia về việc làm có trách nhiệm sử dụng kinh phí theo đúng chế độ chi tiêu tài chính hiện hành; hàng năm tổng hợp quyết toán vào nguồn kinh phí khác của đơn vị mình và báo cáo quyết toán với cơ quan tài chính đồng cấp theo quy định. Trường hợp mức trích từ tiền lãi thu được không đủ cho các cơ quan thực hiện nhiệm vụ, được phép sử dụng nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan mình để chi theo các nội dung, mức chi nêu trên. Trường hợp cuối năm, kinh phí từ nguồn tiền lãi còn dư được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng và quyết toán.

**l) Xây dựng kế hoạch vốn vay**

- Trước ngày 10 tháng 7 hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch vốn vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm và vốn vay ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng từ Quỹ quốc gia về việc làm gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Trước ngày 10 tháng 7 hàng năm, cơ quan trung ương của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Hội Người mù Việt Nam xây dựng kế hoạch vốn vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Kế hoạch vốn vay từ Quỹ quốc gia về việc làm bao gồm các nội dung chủ yếu sau: Đánh giá kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm và ước cả năm; Nhu cầu nguồn vốn bổ sung; Chỉ tiêu tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm; Chỉ tiêu hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương); Giải pháp thực hiện.

**m) Tổ chức chuyển vốn vay**

- Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước về nguồn vốn bổ sung vốn vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, Bộ Tài chính làm thủ tục cấp vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội. Ngân hàng Chính sách xã hội chuyển vốn về Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương để thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt.

- Trường hợp Ngân hàng Chính sách xã hội huy động nguồn vốn để thực hiện cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm thì được cấp bù chênh lệch lãi suất.

**2. Cho vay ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

**a)** **Đối tượng cho vay**

- Người lao động thuộc diện hộ cận nghèo theo chuẩn hộ cận nghèo được Thủ tướng Chính phủ công bố từng thời kỳ.

- Người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng.

+ Thân nhân của người có công với cách mạng: là cha đẻ, mẹ đẻ; vợ hoặc chồng; con (con đẻ, con nuôi); Thân nhân liệt sĩ còn là người có công nuôi dưỡng liệt sĩ.

+ Người có công với cách mạng bao gồm: Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Liệt sĩ; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; Bệnh binh; Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế; Người có công giúp đỡ cách mạng.

**b) Nguyên tắc cho vay:** Người vay phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay; Người vay phải trả nợ đúng hạn cả gốc và lãi theo cam kết với Ngân hàng; Đúng đối tượng thụ hưởng, đảm bảo công khai, minh bạch.

**c) Điều kiện cho vay:** Người vay vốn phải có đủ các điều kiện sau: Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; Cư trú hợp pháp tại địa phương được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; Có Hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp) đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sau đây viết tắt là Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài).

**d) Lãi suất vay vốn**

- Lãi suất vay vốn ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Chính phủ quy định.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

**đ) Thời hạn vay vốn:** Thời hạn cho vay không vượt quá thời hạn làm việc ở nước ngoài của người lao động được ghi trong Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

**e) Lập hồ sơ vay vốn**

- Người lao động có nhu cầu vay vốn ưu đãi để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lập hồ sơ vay vốn gửi Ngân hàng Chính sách xã hội địa phương nơi cư trú.

- Hồ sơ vay vốn:

+ Giấy đề nghị vay vốn thực hiện theo Mẫu quy định.

+ Bản sao giấy tờ chứng minh người lao động thuộc đối tượng là người lao động thuộc hộ cận nghèo, người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng:

 Đối với người lao động thuộc hộ cận nghèo được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tại giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu quy định.

Đối với người lao động là thân nhân người có công với cách mạng là bản sao giấy xác nhận thân nhân người có công với cách mạng theo Mẫu quy định.

+ Bản sao hợp đồng ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

+ Bản sao hộ chiếu còn thời hạn của người lao động;

+ Các giấy tờ có liên quan đến tài sản bảo đảm (nếu có).

**g) Phương thức cho vay**

+ Phương thức cho vay trực tiếp

Phương thức cho vay trực tiếp tại trụ sở chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh hoặc trụ sở Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện được áp dụng đối với 02 trường hợp sau:Người lao động là người độc thân; Người lao động vay thông qua hộ gia đình có mức vay trên 50 triệu đồng/lao động.

+ Phương thức cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội và thông qua Tổ tiết kiệm và vay vốn theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội được áp dụng đối với người lao động vay thông qua hộ gia đình có mức vay đến 50 triệu đồng/lao động.

**h) Hồ sơ, thủ tục cho vay**

- Đối với cho vay theo phương thức cho vay trực tiếp

+ Người vay viết Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 01/XK61 đối với người lao động là người độc thân hoặc theo Mẫu số 02/XK61 đính kèm Hướng dẫn số 4289/NHCS-TDNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số [61/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-61-2015-nd-cp-chinh-sach-ho-tro-tao-viec-lam-quy-quoc-gia-ve-viec-lam-281864.aspx) ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động vay vốn thông qua hộ gia đình, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cư trú hợp pháp tại địa phương và thuộc hộ cận nghèo (nếu có); kèm theo các loại giấy tờ sau để gửi Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay:

Bản sao Giấy xác nhận đối với người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng (có chứng thực) theo Mẫu quy định.

Bản sao Hợp đồng (có chứng thực) ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp về việc đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

Bản sao hộ chiếu còn thời hạn của người lao động (có chứng thực).

Hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển tiền lương của người lao động để trả nợ, lãi tiền vay theo Mẫu số 03/XK61 đính kèm Hướng dẫn số 4289/NHCS-TDNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số [61/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-61-2015-nd-cp-chinh-sach-ho-tro-tao-viec-lam-quy-quoc-gia-ve-viec-lam-281864.aspx) ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động được Doanh nghiệp quản lý tiền lương (sau đây viết tắt là Hợp đồng thỏa thuận);

- Tại Ngân hàng Chính sách xã hội: Trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn, cán bộ Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay được Giám đốc phân công thực hiện:

+ Kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn; thẩm định tài sản bảo đảm tiền vay và cùng người vay khởi thảo Hợp đồng thế chấp, cầm cố (nếu có) và Hợp đồng tín dụng theo Mẫu số 04/XK61 đính kèm Hướng dẫn số 4289/NHCS-TDNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số [61/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-61-2015-nd-cp-chinh-sach-ho-tro-tao-viec-lam-quy-quoc-gia-ve-viec-lam-281864.aspx) ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm. Việc thẩm định tài sản bảo đảm tiền vay và khởi thảo hồ sơ thế chấp, cầm cố được thực hiện theo hướng dẫn tại văn bản số [2478/NHCS-TDSV](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/huong-dan-2478-nhcs-tdsv-thuc-hien-bien-phap-bao-dam-tien-vay-143177.aspx) ngày 04 tháng 9 năm 2009 của Tổng Giám đốc.

+ Trình Trưởng phòng Kế hoạch nghiệp vụ - Tín dụng (Tổ trưởng tín dụng) kiểm soát, sau đó trình Giám đốc phê duyệt cho vay trên Giấy đề nghị vay vốn, đồng thời tham mưu Giám đốc cùng người lao động ký Hợp đồng thế chấp, cầm cố, Hợp đồng tín dụng và thực hiện giải ngân cho người vay theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội. Nếu không cho vay thì trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

- Đối với cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội.

+ Người vay viết Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 02/XK61 đính kèm Hướng dẫn số 4289/NHCS-TDNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số [61/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-61-2015-nd-cp-chinh-sach-ho-tro-tao-viec-lam-quy-quoc-gia-ve-viec-lam-281864.aspx) ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp cấp xã về việc cư trú hợp pháp tại địa phương và thuộc hộ cận nghèo (nếu có), kèm theo các loại giấy tờ sau để gửi Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn:

Bản sao Giấy xác nhận đối với người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng (có chứng thực) theo Mẫu quy định.

Bản sao Hợp đồng (có chứng thực) ký kết giữa người lao động với doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Bản sao hộ chiếu còn thời hạn của người lao động (có chứng thực).

Hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển tiền lương của người lao động để trả nợ, lãi tiền vay theo Mẫu số 03/XK61 Hướng dẫn số 4289/NHCS-TDNN ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số [61/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-61-2015-nd-cp-chinh-sach-ho-tro-tao-viec-lam-quy-quoc-gia-ve-viec-lam-281864.aspx) ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động được Doanh nghiệp quản lý tiền lương.

- Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn của người vay, Tổ trưởng Tổ tiết kiệm và vay vốn tổ chức họp tổ có sự tham gia của Hội, đoàn thể nhận ủy thác cấp xã và sự giám sát của Trưởng thôn để bình xét cho vay đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng; Kiểm tra các yếu tố trên Giấy đề nghị vay vốn, đối chiếu với đối tượng xin vay đúng với chính sách của Chính phủ; Đối chiếu số tiền vay phải phù hợp với chi phí đi lao động được ghi trong Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; Lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội trình Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận. Sau khi có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Tổ tiết kiệm và vay vốn gửi toàn bộ hồ sơ vay vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay.

- Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, cán bộ Ngân hàng Chính sách xã hội được Giám đốc phân công xem xét tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn, trình Trưởng phòng Kế hoạch nghiệp vụ - Tín dụng kiểm soát, sau đó trình Giám đốc phê duyệt cho vay. Sau khi phê duyệt cho vay, Ngân hàng Chính sách xã hội lập thông báo kết quả phê duyệt cho vay gửi Ủy ban nhân dân cấp xã; nếu không phê duyệt cho vay thì Ngân hàng Chính sách xã hội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho Hội, đoàn thể cấp xã nhận ủy thác và Tổ tiết kiệm và vay vốn để thông báo cho người vay đến Điểm giao dịch xã hoặc trụ sở Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay để cùng người vay lập sổ vay vốn và nhận tiền vay.

**i) Định kỳ hạn trả nợ**

- Trường hợp người vay trả nợ bằng tiền lương thông qua Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài: định kỳ hạn trả nợ gốc 03 tháng/lần.

- Trường hợp người vay có nhu cầu trả nợ dần trong thời gian vay thì Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay thỏa thuận với người vay về định kỳ hạn trả nợ gốc 06 tháng/lần.

**3. Chính sách hỗ trợ chuyển dịch vụ việc làm đối với người lao động ở khu vực nông thôn**

**a) Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn**

- Căn cứ chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Nhà nước hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn.

- Người lao động ở khu vực nông thôn tham gia chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm được hưởng các chế độ sau đây: Hỗ trợ học nghề; Tư vấn miễn phí về chính sách, pháp luật về lao động, việc làm, học nghề; Giới thiệu việc làm miễn phí; Vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm.

**b) Hỗ trợ học nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn**

Người lao động ở khu vực nông thôn học nghề dưới 03 tháng hoặc học nghề trình độ sơ cấp ở cơ sở đào tạo nghề được hỗ trợ chi phí học nghề theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

**c) Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh tạo việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn**

Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh được Nhà nước hỗ trợ để phát triển sản xuất, kinh doanh, mở rộng việc làm tại chỗ cho người lao động ở khu vực nông thôn thông qua các hoạt động sau đây: Vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm; Hỗ trợ cung cấp thông tin về thị trường tiêu thụ sản phẩm; Miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

**4. Chính sách việc làm công**

**a) Nội dung chính sách việc làm công**

- Chính sách việc làm công được thực hiện thông qua các dự án hoặc hoạt động sử dụng vốn nhà nước gắn với các chương trình phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn cấp xã, bao gồm:

+ Dự án, hoạt động bảo vệ, quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên đất, nước, rừng; phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu;

+ Dự án, hoạt động bảo tồn, phát triển văn hóa và du lịch;

+ Dự án, hoạt động xây dựng, cải tạo và bảo dưỡng: Đường giao thông, trường học, nhà trẻ, trạm y tế, chợ, công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao; công trình thủy lợi, tưới tiêu, đê điều; công trình cung cấp điện, nước sạch, vệ sinh môi trường;

+ Dự án, hoạt động phục vụ cộng đồng khác.

- Các dự án, hoạt động nêu trên khi thực hiện lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu, trong hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu phải quy định nhà thầu tham dự thầu đề xuất phương án sử dụng lao động thuộc đối tượng được tham gia chính sách việc làm công.

**b) Đối tượng tham gia**

- Người lao động được tham gia chính sách việc làm công khi có đủ các điều kiện sau đây: Cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án, hoạt động; Tự nguyện tham gia chính sách việc làm công.

- Người lao động được tham gia chính sách việc làm công là người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp; người chưa có việc làm hoặc thiếu việc làm được ưu tiên tham gia chính sách việc làm công.

- Khuyến khích tổ chức, cá nhân sử dụng người lao động được tham gia chính sách việc làm công khi thực hiện dự án, hoạt động không thuộc Dự án, hoạt động bảo vệ, quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên đất, nước, rừng; phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; Dự án, hoạt động bảo tồn, phát triển văn hóa và du lịch; Dự án, hoạt động xây dựng, cải tạo và bảo dưỡng: Đường giao thông, trường học, nhà trẻ, trạm y tế, chợ, công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa thể thao; công trình thủy lợi, tưới tiêu, đê điều; công trình cung cấp điện, nước sạch, vệ sinh môi trường; Dự án, hoạt động phục vụ cộng đồng khác.

**c) Thông báo dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công**

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện; chất lượng, tiến độ công việc cần đạt được và nhu cầu sử dụng lao động tham gia thực hiện chính sách việc làm công.

- Ủy ban nhân dân cấp xã niêm yết công khai tại trụ sở, các nơi sinh hoạt cộng đồng và thông báo trên các phương tiện truyền thông của cấp xã về các nội dung thông báo nêu trên.

**d) Đăng ký tham gia dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công**

- Người lao động đăng ký tham gia dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi cư trú hợp pháp. Nội dung đăng ký bao gồm các thông tin cơ bản sau đây: Họ và tên, giới tính; Ngày, tháng, năm sinh; Số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân và ngày cấp, nơi cấp; Trình độ chuyên môn kỹ thuật, trình độ kỹ năng nghề (nếu có); Địa chỉ cư trú; Kinh nghiệm làm việc; Diện đối tượng ưu tiên (nếu có): Người dân tộc thiểu số; Người thuộc hộ nghèo; Người thuộc hộ cận nghèo; Người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp; Người chưa có việc làm; Người thiếu việc làm; Người thuộc hộ gia đình sản xuất nông nghiệp là chủ yếu.

- Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách người lao động có nhu cầu tham gia chính sách việc làm công; niêm yết công khai tại trụ sở, các nơi sinh hoạt cộng đồng và thông báo trên các phương tiện truyền thông của cấp xã.

**đ) Lựa chọn người lao động tham gia chính sách việc làm công**

Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với nhà thầu (nếu có), các tổ chức chính trị - xã hội, đại diện cộng đồng dân cư hưởng lợi từ dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công lựa chọn người lao động tham gia chính sách việc làm công trong danh sách người lao động đăng ký tham gia theo thứ tự ưu tiên:

- Các đối tượng là người lao động được tham gia chính sách việc làm công là người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp; người chưa có việc làm hoặc thiếu việc làm được ưu tiên tham gia chính sách việc làm công.

- Người lao động thuộc hộ gia đình hoạt động sản xuất nông nghiệp là chủ yếu.

- Người lao động cư trú hợp pháp tại địa phương nơi thực hiện dự án, hoạt động.

**e) Chế độ đối với người lao động tham gia chính sách việc làm công:** Người sử dụng lao động có sử dụng lao động tham gia chính sách việc làm công phải giao kết hợp đồng lao động với người lao động và bảo đảm các chế độ đối với người lao động theo quy định của pháp luật lao động.

**- Tiền công của người lao động làm việc theo hình thức cộng đồng**

Tiền công của người lao động được thanh toán trên cơ sở thỏa thuận giữa những người lao động làm việc theo hình thức cộng đồng và căn cứ thời gian thực tế làm việc, khối lượng, chất lượng công việc người lao động đã thực hiện, cụ thể như sau:

+ Đối với người lao động làm việc đủ 8 giờ trong 1 ngày và 26 ngày trong 1 tháng thì tiền công tính theo tháng và không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng tại nơi thực hiện dự án, hoạt động;

+ Đối với người lao động làm việc không đủ 8 giờ trong 1 ngày hoặc 26 ngày trong 1 tháng thì tiền công tính theo giờ và không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng tại nơi thực hiện các dự án, hoạt động chia 26 ngày và chia 8 giờ;

+ Trường hợp người lao động làm thêm giờ mà tổng số giờ làm việc và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 1 ngày thì được thanh toán tiền công tính theo giờ và không được thấp hơn mức lương tối thiểu vùng tại nơi thực hiện các dự án, hoạt động chia 26 ngày và chia 8 giờ.

**- Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi của người lao động làm việc theo hình thức cộng đồng**

Việc tổ chức, sắp xếp thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi do những người lao động làm việc theo hình thức cộng đồng thỏa thuận nhưng phải bảo đảm các quy định sau đây:

+ Thời giờ làm việc không quá 8 giờ trong 1 ngày;

+ Mỗi tuần được nghỉ ít nhất 1 ngày (24 giờ liên tục). Trường hợp đặc biệt do chu kỳ lao động không thể nghỉ hằng tuần, thì được nghỉ tính bình quân 01 tháng ít nhất 04 ngày;

+ Trường hợp phải làm thêm giờ thì tổng số giờ làm việc và số giờ làm thêm không quá 12 giờ trong 1 ngày.

**- An toàn, vệ sinh lao động của người lao động làm việc theo hình thức cộng đồng**

+ Người lao động làm việc theo hình thức cộng đồng được hưởng các chế độ an toàn, vệ sinh lao động như sau: Được hỗ trợ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động khi làm các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động và các văn bản hướng dẫn; Được tham gia và hưởng bảo hiểm tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện do Chính phủ quy định; Được chủ đầu tư cung cấp thông tin về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương theo quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động và các văn bản hướng dẫn; Được chủ đầu tư mua bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng và bảo hiểm bắt buộc đối với trách nhiệm nghề nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

+ Người lao động làm việc theo hình thức cộng đồng có nghĩa vụ về an toàn, vệ sinh lao động như sau: Chịu trách nhiệm về an toàn, vệ sinh lao động đối với công việc do mình thực hiện theo quy định của pháp luật; Bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với những người có liên quan trong quá trình lao động; Thông báo với chính quyền địa phương để có biện pháp ngăn chặn kịp thời các hành vi gây mất an toàn, vệ sinh lao động; Thực hiện khai báo tai nạn lao động với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra tai nạn theo quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động và các văn bản hướng dẫn.

+ Trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động làm việc theo hình thức cộng đồng như sau: Tạo điều kiện để người lao động được làm việc trong môi trường an toàn, vệ sinh lao động và được hưởng các chế độ an toàn, vệ sinh lao động theo quy định; Bảo đảm các chế độ đối với người lao động như: Cung cấp thông tin về an toàn, vệ sinh lao động; Được chủ đầu tư mua bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng và bảo hiểm bắt buộc đối với trách nhiệm nghề nghiệp khác.

+ Phối hợp và tạo điều kiện để người lao động thực hiện các nghĩa vụ theo quy định quy định.

**5. Hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

**a) Chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

Người lao động là người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp; thân nhân của người có công với cách mạng có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được hỗ trợ:

- Hỗ trợ đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết gồm: Học phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết; Tiền ăn trong thời gian thực tế học; Chi phí đi lại (01 lượt đi và về) từ nơi cư trú đến địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên hoặc từ 10 km trở lên đối với người lao động cư trú hợp pháp tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Riêng người lao động thuộc các huyện nghèo được hỗ trợ thêm tiền ở và đồ dùng cá nhân thiết yếu.

- Hỗ trợ chi phí làm thủ tục hộ chiếu, thị thực, khám sức khoẻ, lý lịch tư pháp trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

- Hỗ trợ giải quyết rủi ro trong thời gian làm việc ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

- Hỗ trợ chi phí đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề trong trường hợp nước tiếp nhận yêu cầu.

**b) Nội dung và mức chi hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

- Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết, gồm:

+ Đào tạo nghề; Đào tạo ngoại ngữ; Bồi dưỡng kiến thức cần thiết.

+ Tiền ăn trong thời gian đào tạo; Chi phí đi lại (01 lượt đi và về) cho người lao động từ nơi cư trú hợp pháp đến địa Điểm đào tạo.

+ Người lao động là người dân tộc thiểu số; Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật; Thân nhân của người có công với cách mạng; Người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp quy định tại Quyết định số [63/2015/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/quyet-dinh-63-2015-qd-ttg-ho-tro-dao-tao-nghe-giai-quyet-viec-lam-cho-nguoi-lao-dong-bi-thu-hoi-dat-288080.aspx) ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất thuộc các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo (sau đây gọi là Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP) được hỗ trợ thêm tiền ở trong thời gian đào tạo và tiền trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu.

- Hỗ trợ chi phí làm thủ tục để đi làm việc ở nước ngoài, gồm: Lệ phí làm hộ chiếu; Lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp; Lệ phí làm thị thực (visa).

+ Chi phí khám sức khỏe theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực tế của cơ sở y tế được phép thực hiện khám sức khỏe đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Hỗ trợ giải quyết rủi ro trong thời gian làm việc ở nước ngoài: Người lao động trong thời gian làm việc ở nước ngoài gặp rủi ro được hỗ trợ giải quyết rủi ro.

- Hỗ trợ đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề:

+ Người lao động tham gia các chương trình đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề theo yêu cầu của hợp đồng cung ứng giữa doanh nghiệp Việt Nam với đối tác nước ngoài được hỗ trợ một phần chi phí bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề, đào tạo ngoại ngữ.

+ Người lao động tham gia các chương trình đào tạo trình độ cao theo thỏa thuận giữa Chính phủ Việt Nam và nước tiếp nhận lao động được hỗ trợ chi phí đào tạo theo thỏa thuận giữa hai Chính phủ.

- Trường hợp người lao động đồng thời thuộc hai hay nhiều đối tượng là: Người dân tộc thiểu số; Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật; Thân nhân của người có công với cách mạng; Người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp quy định tại Quyết định số [63/2015/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/quyet-dinh-63-2015-qd-ttg-ho-tro-dao-tao-nghe-giai-quyet-viec-lam-cho-nguoi-lao-dong-bi-thu-hoi-dat-288080.aspx) ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất thì được lựa chọn áp dụng theo đối tượng có lợi nhất cho người lao động và chỉ được hưởng một lần các khoản hỗ trợ quy định nêu trên.

- Người lao động là người dân tộc thiểu số; Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật; Thân nhân của người có công với cách mạng; Người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp quy định tại Quyết định số [63/2015/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/quyet-dinh-63-2015-qd-ttg-ho-tro-dao-tao-nghe-giai-quyet-viec-lam-cho-nguoi-lao-dong-bi-thu-hoi-dat-288080.aspx) ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất thuộc các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP có thể lựa chọn áp dụng chính sách hỗ trợ theo quy định nêu trên hoặc quy định tại Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg. Trường hợp người lao động thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC thì không thực hiện theo quy định tại Quyết định số [71/2009/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/quyet-dinh-71-2009-qd-ttg-de-an-ho-tro-huyen-ngheo-day-manh-xuat-khau-lao-dong-gop-phan-giam-ngheo-ben-vung-giai-doan-2009-2020-87726.aspx) và ngược lại.

**c) Quy trình và thủ tục hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng**

- Đối với các nội dung hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết và Hỗ trợ chi phí làm thủ tục để đi làm việc ở nước ngoài:

+ Người lao động là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân của người có công với cách mạng thuộc đối tượng được hỗ trợ nộp 01 bộ hồ sơ (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) đến cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội theo phân cấp của địa phương) nơi người lao động cư trú hợp pháp để được xem xét hỗ trợ.

Hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm:

- Giấy đề nghị hỗ trợ theo Mẫu quy định.

- Giấy tờ chứng minh người lao động thuộc đối tượng là Người dân tộc thiểu số; Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật; Thân nhân của người có công với cách mạng; Người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp quy định tại Quyết định số [63/2015/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/quyet-dinh-63-2015-qd-ttg-ho-tro-dao-tao-nghe-giai-quyet-viec-lam-cho-nguoi-lao-dong-bi-thu-hoi-dat-288080.aspx) ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất, gồm:

+ Người lao động là người dân tộc thiểu số: bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân.

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo: xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tại Giấy đề nghị hỗ trợ của người lao động.

+ Người lao động là thân nhân người có công với cách mạng: Giấy xác nhận là thân nhân người có công với cách mạng theo Mẫu quy định.

- Bản sao hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài ký giữa người lao động và doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (có xác nhận của doanh nghiệp) hoặc bản sao hợp đồng cá nhân ký giữa người lao động với chủ sử dụng lao động (nếu hợp đồng bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch sang tiếng Việt và có chứng thực) và xác nhận đăng ký hợp đồng cá nhân của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Bản sao hộ chiếu và thị thực.

- Bản sao chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết của người lao động làm cơ sở thanh toán chi phí ăn, ở trong thời gian đào tạo.

- Hóa đơn hoặc biên lai thu tiền đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết, khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp.

Chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của người lao động, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thanh toán tiền hỗ trợ (trực tiếp hoặc qua tài Khoản ngân hàng) cho người lao động; lưu giữ các hồ sơ, chứng từ nêu trên theo quy định.

+ Người lao động thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp:

Người lao động nộp 01 bộ hồ sơ (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) đến chủ đầu tư gồm: Giấy đề nghị hỗ trợ theo Mẫu quy định; Bản sao hợp đồng ký giữa người lao động và doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (có xác nhận của doanh nghiệp) hoặc bản sao hợp đồng cá nhân ký giữa người lao động và chủ sử dụng lao động (nếu hợp đồng bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch sang tiếng Việt và có chứng thực) và xác nhận đăng ký hợp đồng cá nhân của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Bản sao hộ chiếu và thị thực; Bản sao chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết của người lao động làm cơ sở thanh toán chi phí ăn, ở trong thời gian đào tạo; Hóa đơn hoặc biên lai thu tiền đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết, khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp.

Chậm nhất 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của người lao động, chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán tiền hỗ trợ (trực tiếp hoặc qua tài Khoản ngân hàng) cho người lao động.

- Đối với nội dung hỗ trợ giải quyết rủi ro trong thời gian làm việc ở nước ngoài: Quy trình, thủ tục hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số [11/2008/TTLT-BLĐTBXH-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/thong-tu-lien-tich-11-2008-ttlt-bldtbxh-btc-huong-dan-quan-ly-va-su-dung-quy-ho-tro-viec-lam-ngoai-nuoc-68517.aspx) ngày 21 tháng 7 năm 2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước.

- Đối với nội dung hỗ trợ đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động tham gia các chương trình đào tạo, nâng cao trình độ tay nghề theo yêu cầu của hợp đồng cung ứng giữa doanh nghiệp Việt Nam với đối tác nước ngoài được hỗ trợ một phần chi phí bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề, đào tạo ngoại ngữ:

+ Căn cứ nhu cầu và số lượng lao động tham gia đào tạo nghề, ngoại ngữ, mức hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ và dự toán được cấp có thẩm quyền giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Quản lý lao động ngoài nước) ký hợp đồng đặt hàng đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, ngoại ngữ cho người lao động với doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo quy định tại Quyết định số [39/2008/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/quyet-dinh-39-2008-qd-ttg-quy-che-dau-thau-dat-hang-giao-nhiem-vu-cung-cap-dich-vu-su-nghiep-cong-su-dung-ngan-sach-nha-nuoc-64163.aspx) ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

+ Căn cứ hợp đồng đặt hàng đào tạo đã ký và danh sách người lao động tham gia đào tạo, Cục Quản lý lao động ngoài nước thực hiện tạm ứng kinh phí cho doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ theo mức quy định tại Thông tư số [39/2016/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-39-2016-tt-btc-kiem-soat-thanh-toan-khoan-chi-ngan-sach-kho-bac-nha-nuoc-2016-304762.aspx) ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số [161/2012/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/thong-tu-161-2012-tt-btc-quy-dinh-che-do-kiem-soat-thanh-toan-khoan-chi-149023.aspx) ngày 02 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các Khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

+ Cục Quản lý lao động ngoài nước có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và thanh toán giá trị còn lại của hợp đồng (nếu có): Trường hợp có dưới 70% số học viên sau khi hoàn thành khóa học được đi làm việc ở nước ngoài chỉ thanh toán chi phí đào tạo theo số lượng học viên thực tế xuất cảnh; Trường hợp có từ 70% số học viên trở lên sau khi hoàn thành khóa học được đi làm việc ở nước ngoài được thanh toán chi phí đào tạo theo số lượng học viên tham gia khóa học của hợp đồng đã ký.

+ Doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thực hiện chi trả các Khoản nhà nước hỗ trợ cho người học theo mức quy định tại hợp đồng đã ký với Cục Quản lý lao động ngoài nước.

+ Hồ sơ lưu tại doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp gồm: Hợp đồng đặt hàng đào tạo giữa doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Cục Quản lý lao động ngoài nước; Hợp đồng liên kết đào tạo giữa cơ sở dạy nghề và doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (đối với trường hợp doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp không tự tổ chức đào tạo cho người lao động); Giấy đề nghị hỗ trợ của người lao động theo Mẫu quy định; Giấy tờ chứng minh người lao động thuộc đối tượng là Người dân tộc thiểu số; Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật; Thân nhân của người có công với cách mạng; Người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp quy định tại Quyết định số [63/2015/QĐ-TTg](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/quyet-dinh-63-2015-qd-ttg-ho-tro-dao-tao-nghe-giai-quyet-viec-lam-cho-nguoi-lao-dong-bi-thu-hoi-dat-288080.aspx) ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng đặt hàng đào tạo giữa doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp với Cục Quản lý lao động ngoài nước; Hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài ký giữa người lao động và doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

**6. Hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên**

**a) Đối tượng hỗ trợ nghề**

- Thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội (sau đây gọi là thanh niên).

- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp: Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, Trường trung cấp, Trường cao đẳng; doanh nghiệp và cơ sở giáo dục đại học được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi là cơ sở giáo dục nghề nghiệp); cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho thanh niên.

**b) Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp cho thanh niên**

- Nội dung và mức hỗ trợ đào tạo nghề

+ Thanh niên có nhu cầu đào tạo nghề trình độ sơ cấp đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: Có nhu cầu đào tạo nghề trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; Chưa được hỗ trợ đào tạo nghề từ chính sách hỗ trợ đào tạo nghề khác có sử dụng nguồn kinh phí của ngân sách nhà nước kể từ ngày hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội mà được cơ quan có thẩm quyền cấp thẻ đào tạo nghề (sau đây gọi là Thẻ) thì được các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiếp nhận, tổ chức đào tạo nghề trình độ sơ cấp và chi hỗ trợ các nội dung sau: Chi hỗ trợ đào tạo; Chi hỗ trợ tiền ăn, đi lại.

Ưu tiên các nội dung chi hỗ trợ đào tạo trong giá trị tối đa của Thẻ, giá trị còn lại của Thẻ (nếu có) chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại.

+ Trường hợp tổng chi hỗ trợ đào tạo và chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại vượt quá giá trị tối đa của Thẻ thì người học tự chi trả phần kinh phí chênh lệch cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Trường hợp tổng chi hỗ trợ đào tạo và chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại thấp hơn giá trị tối đa của Thẻ thì ngân sách nhà nước quyết toán số chi thực tế.

+ Trong thời gian đào tạo nghề, nếu thanh niên thôi học (không tiếp tục học cho đến khi tốt nghiệp) thì cơ sở giáo dục nghề nghiệp lập biên bản hoặc ban hành quyết định và được quyết toán chi phí hỗ trợ đào tạo và hỗ trợ tiền ăn kể từ ngày khai giảng đến ngày thanh niên đó thôi học.

- Hồ sơ đăng ký đào tạo nghề trình độ sơ cấp qua Thẻ

Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày được cấp Thẻ, thanh niên lựa chọn nghề và cơ sở giáo dục nghề nghiệp để nộp hồ sơ tuyển sinh kèm theo các giấy tờ sau:

+ Thẻ đào tạo nghề trình độ sơ cấp (bản gốc);

+ Quyết định xuất ngũ (bản sao) đối với thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; giấy chứng nhận tham gia hoạt động tình nguyện (bản sao) đối với thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội;

+ Giấy cam kết chưa được hỗ trợ đào tạo nghề từ chính sách hỗ trợ đào tạo nghề khác có sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước kể từ ngày hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

**c) Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho thanh niên**

- Thanh niên thuộc đối tượng sau đây sẽ được miễn, giảm học phí khi tham gia đào tạo nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng:

+ Học sinh tiểu học trường công lập;

+ Học sinh, sinh viên ngành sư phạm hệ chính quy đang theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập, theo chỉ tiêu đào tạo của Nhà nước;

+ Người theo học các ngành chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật Giáo dục đại học. Các ngành chuyên môn đặc thù do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

+ Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng. Cụ thể: Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Thương binh; Người hưởng chính sách như thương binh; Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến (nếu có); Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945 (nếu có); con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 (nếu có); con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; con của liệt sỹ; con của thương binh; con của người hưởng chính sách như thương binh; con của bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

+ Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo;

+ Trẻ em học mẫu giáo và học sinh dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng. Cụ thể: Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi; Mồ côi cả cha và mẹ; Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật; Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội; Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; Cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật; Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội; Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội; Cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

+ Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo;

+ Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ đang phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang nhân dân;

+ Học sinh, sinh viên hệ cử tuyển (kể cả học sinh cử tuyển học nghề nội trú với thời gian đào tạo từ 3 tháng trở lên);

+ Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, trường dự bị đại học, khoa dự bị đại học;

+ Học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

+ Sinh viên học chuyên ngành Mác - Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh;

+ Học sinh, sinh viên, học viên học một trong các chuyên ngành Lao, Phong, Tâm thần, Giám định pháp Y, Pháp y tâm thần và Giải phẫu bệnh tại các cơ sở đào tạo nhân lực y tế công lập, theo chỉ tiêu đào tạo của Nhà nước;

+ Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Cụ thể: Người dân tộc thiểu số rất ít người bao gồm: La Hủ, La Ha, Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bố Y, Si La, Pu Péo, Rơ Măm, BRâu, Ơ Đu; Vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

+ Sinh viên cao đẳng, đại học, học viên cao học, nghiên cứu sinh học các chuyên ngành trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử;

+ Người tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp (bao gồm cả học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp nghề và trung cấp chuyên nghiệp);

+ Người học các trình độ trung cấp, cao đẳng, đối với các ngành, nghề khó tuyển sinh nhưng xã hội có nhu cầu theo danh Mục do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở trung ương quy định;

+ Người học các ngành, nghề chuyên môn đặc thù đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp. Các ngành chuyên môn đặc thù do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

+ Trẻ em học lớp mẫu giáo 05 tuổi ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có cha mẹ hoặc có cha hoặc có mẹ hoặc có người chăm sóc trẻ em hoặc trẻ em thường trú ở xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khan vùng bãi ngang ven biển, hải đảo.

+ Học sinh, sinh viên học các ngành nghệ thuật truyền thống và đặc thù trong các trường văn hóa - nghệ thuật công lập và ngoài công lập, gồm: Nhạc công kịch hát dân tộc, nhạc công truyền thống Huế, đờn ca tài tử Nam Bộ, diễn viên sân khấu kịch hát, nghệ thuật biểu diễn dân ca, nghệ thuật ca trù, nghệ thuật bài chòi, biểu diễn nhạc cụ truyền thống;

+ Học sinh, sinh viên các chuyên ngành nhã nhạc cung đình, chèo, tuồng, cải lương, múa, xiếc; một số nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với giáo dục nghề nghiệp. Danh Mục các nghề học nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định;

+ Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Cụ thể: Người dân tộc thiểu số; Vùng có Điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên; Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo.

- Thanh niên thuộc đối tượng là học sinh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc chỉ mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại không có khả năng lao động được vay vốn để tham gia đào tạo nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

**7. Hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp**

**a) Hỗ trợ thanh niên lập nghiệp**

- Đối tượng hỗ trợ: Học sinh các trường trung học phổ thông; Thanh niên đang học tại cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Thanh niên đã tốt nghiệp cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

- Nội dung hỗ trợ: Định hướng nghề nghiệp; Cung cấp thông tin về việc làm, nghề nghiệp; Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng tìm việc và làm việc; Tham gia chương trình thực tập làm việc tại doanh nghiệp, tổ chức; Cho vay ưu đãi từ Quỹ quốc gia về việc làm theo quy định của pháp luật.

**b) Hỗ trợ thanh niên khởi sự doanh nghiệp**

- Đối tượng hỗ trợ: Thanh niên có nhu cầu khởi sự doanh nghiệp; Thanh niên đã khởi sự doanh nghiệp.

- Nội dung hỗ trợ: Cung cấp kiến thức về pháp luật, quản trị doanh nghiệp và các vấn đề có liên quan khởi sự doanh nghiệp; Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức khởi sự doanh nghiệp; Cho vay ưu đãi từ Quỹ quốc gia về việc làm theo quy định của pháp luật.

**8. Hỗ trợ phát triển thị trường lao động**

Nhà nước hỗ trợ phát triển thị trường lao động thông qua các hoạt động sau đây:

a) Thu thập, cung cấp thông tin thị trường lao động, phân tích, dự báo thị trường lao động, kết nối cung cầu lao động.

b) Hiện đại hóa hoạt động dịch vụ việc làm và hệ thống thông tin thị trường lao động.

c) Đầu tư nâng cao năng lực trung tâm dịch vụ việc làm.

d) Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia phát triển thị trường lao động.

**9. Thông tin thị trường lao động**

**a) Nội dung thông tin thị trường lao động**

- Tình trạng, xu hướng việc làm.

- Thông tin về cung cầu lao động, biến động cung cầu lao động trên thị trường lao động.

- Thông tin về lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam và người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Thông tin về tiền lương, tiền công.

**b) Quản lý thông tin thị trường lao động**

- Cơ quan quản lý nhà nước về thống kê tổ chức thu thập, công bố và xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu đối với thông tin thị trường lao động là chỉ tiêu thống kê quốc gia theo quy định của pháp luật về thống kê.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thu thập và công bố các thông tin thị trường lao động thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách ngoài các thông tin thị trường lao động thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; ban hành quy chế quản lý, khai thác, sử dụng và phổ biến thông tin thị trường lao động; xây dựng mạng thông tin và cơ sở dữ liệu thị trường lao động.

- Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quản lý thông tin thị trường lao động tại địa phương.

- Cơ quan quản lý nhà nước về thống kê, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm định kỳ công bố thông tin thị trường lao động.

**c) Cung cấp thông tin thị trường lao động**

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân có trách nhiệm cung cấp chính xác và kịp thời thông tin thị trường lao động theo quy định của pháp luật.

**d) Phân tích, dự báo và phổ biến thông tin thị trường lao động**

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì việc phân tích, dự báo và phổ biến thông tin thị trường lao động thuộc thẩm quyền.

- Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức việc phân tích, dự báo và phổ biến thông tin thị trường lao động trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

**đ) Bảo đảm an toàn, bảo mật và lưu trữ thông tin thị trường lao động**

- Thông tin thị trường lao động trong quá trình xây dựng, vận hành, nâng cấp mạng thông tin và cơ sở dữ liệu thông tin thị trường lao động phải được bảo đảm an toàn.

- Thông tin thị trường lao động phải được bảo mật bao gồm: Thông tin thị trường lao động gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng tổ chức, cá nhân, trừ trường hợp được tổ chức, cá nhân đó đồng ý cho công bố; Thông tin thị trường lao động đang trong quá trình thu thập, tổng hợp, chưa được người có thẩm quyền công bố; Thông tin thị trường lao động thuộc danh mục bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân khai thác, sử dụng thông tin thị trường lao động có trách nhiệm bảo đảm an toàn, bảo mật và lưu trữ thông tin theo quy định của pháp luật./.

---------------------------

Người thực hiện: Lê Thị Huế

*(Phòng Xây dựng và thẩm định văn bản quy phạm pháp luật)*